

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước
2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 095183009473; ngày cấp: 14/8/2021; Nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Bị đơn: Anh Trần Tuấn C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau

CCCD số 0950810002881

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc P trình bày: Chị và anh Trần Tuấn C xây dựng hôn nhân năm 1998. Đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân của chị là tự nguyện.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi với nhau. Chị và

anh C đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Giữa vợ chồng chị không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Tuấn C1.

Vợ chồng chị chung sống có 04 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1999, Trần Tuấn E, sinh năm 2001, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 2004 và Trần Thị Ngọc N1, sinh năm 2006. Các con đã trưởng thành khoẻ mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Trần Tuấn C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí:

- Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc P đối với anh Trần Tuấn C.

- Về con chung: Chị Huỳnh Ngọc P và anh Trần Tuấn C có 04 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1999, Trần Tuấn E, sinh năm 2001, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 2004 và Trần Thị Ngọc N1, sinh năm 2006. Các con đã trưởng thành khoẻ mạnh nên chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Tuấn C cư trú tại ấp A xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau. Nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Tuấn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Ngọc P và anh Trần Tuấn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc P và anh Trần Tuấn C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị P và anh C là tự nguyện và hợp pháp. Chị P xác định hiện nay hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Thực tế chị P và anh C đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị P và anh C không có biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Trần Tuấn C để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Cho thấy anh C không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị Huỳnh Ngọc P và anh Trần Tuấn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc P đối với anh Trần Tuấn C.

[3] Về con chung: Chị Huỳnh Ngọc P xác định có 04 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1999, Trần Tuấn E, sinh năm 2001, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 2004 và Trần Thị Ngọc N1, sinh năm 2006. Hiện các con đã trưởng thành khỏe mạnh và có công việc riêng, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Ngọc P xác định không có nợ chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc P đối với anh Trần Tuấn C.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Ngọc P và anh Trần Tuấn C có 04 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1999, Trần Tuấn E, sinh năm 2001, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 2004 và Trần Thị Ngọc N1, sinh năm 2006 đã trưởng thành khỏe mạnh và có công việc riêng, chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Ngọc P xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị P đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012819 ngày 21/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Vĩnh Hậu;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Ghết